

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 525/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021, về việc: “Tranh chấp ly hôn”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị Ti, sinh năm 1968; Nơi thường trú: Thôn Th, xã M, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Thôn Đg, xã T, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn*: Ông Trịnh Xuân Á, sinh năm 1969; Trú tại địa chỉ: Thôn Th, xã M, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Đỗ Thị T và ông Trịnh Xuân Á.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Đỗ Thị T và ông Trịnh Xuân Á có 02 con chung là Trịnh Phương M, sinh năm 1991 và Trịnh Xuân S, sinh năm 1994.

Chị Trịnh Phương M đã chết ngày 02/09/2021, do tai nạn giao thông ; Anh Trịnh Xuân S đã thành niên, có việc làm và thu nhập ổn định.

Khi ly hôn, ông bà không phải giải quyết về nuôi dưỡng con chung. Anh S ở với ai là do anh lựa chọn, quyết định.

2.2. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị T và ông Trịnh Xuân Á không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về chỗ ở: Bà Đỗ Thị T tự nguyện lo chỗ ở khác , không yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ở lại nhà đất của gia đình ông Á.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), bà Đỗ Thị T và ông Trịnh Xuân Á mỗi người phải chịu $\frac{1}{2} = 75.000\text{đ}$ (Bảy mươi lăm ngàn đồng), bà T tự nguyện chịu cả. Bà T đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0045733 ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, nay chuyển 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) thành tiền án phí và nộp vào ngân sách Nhà nước; Bà T được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh trả.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- UBND. xã Ph;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Lân